

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tuyết Minh và bà Trần Thị Yến

Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đồng Nai, xét xử công khai vụ án thụ lý số 203/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp X, xã P L, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Tống Thành L, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp X, xã P L, tỉnh Đồng Nai.

(bà N và ông L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/04/2025, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn bà Võ Thị Hồng N trình bày:

Bà và ông L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã P L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P L, tỉnh Đồng Nai). Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn tiếng nói chung, không thông cảm thấu hiểu, không tôn trọng nhau, cách sống vợ chồng không hợp dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng không thành. Bà và ông L đã không còn chung sống với nhau nhiều năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tống Thành L.

Về con chung: Bà và ông L có 01 con chung là Tổng Thị Th T, sinh ngày 27/3/2014, hiện do ông L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà đồng ý tiếp tục giao cháu Tr cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử bị đơn ông Tổng Thành L trình bày:

Ông thống nhất với trình bày của bà N về quá trình kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông và bà N đã không còn chung sống với nhau nhiều năm. Ông thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau, nhưng do ông là người theo đạo Công giáo không được phép ly hôn. Trường hợp bà N vẫn cương quyết ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Ông và bà N có 01 con chung là Tổng Thị Thùy T, sinh ngày 27/3/2014. Hiện nay cháu T đang sống cùng với ông L, khi ly ông có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T và ông không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà N không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà N không có và, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà N, cho bà Võ Thị Hồng N được ly hôn với ông Tổng Thành L.

- Về con chung: Giao con chung là Tổng Thị Thùy T, sinh ngày 27/3/2014 cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không yêu cầu.

- Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Võ Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với ông Tống Thành L cư trú tại xã Phú L (xã P L, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai, nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]: Về xác định tư cách đương sự: Bà Võ Thị Hồng N là nguyên đơn, ông Tống Thành L là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà N và ông L nhưng bà N và ông L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Bà N, ông L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã P L (xã P L, huyện Tân Phú cũ), tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, hôn nhân giữa bà N, ông L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà N và ông L phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Hiện nay bà N, ông L đã không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn tình cảm, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Từ những lý do nêu trên, xác định được bà N, ông L trong quá trình sống chung đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông L là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy từ khi bà N, ông L không còn sống chung thì con chung do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, con chung được đi học và sống trong môi trường đảm bảo các điều kiện phát triển tốt về mọi mặt, ngoài ra cháu Trang có nguyện vọng sống chung với ông L. Vì vậy, tiếp tục giao cháu Tống Thị T T, sinh ngày 27/3/2014 cho ông L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, là đúng quy định. Ông L không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Võ Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng N được ly hôn với ông Tống Thành L.

2. Về con chung: Giao cháu Tống Thị T T, sinh ngày 27/3/2014 cho ông Tống Thành L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Bà Võ Thị Hồng N được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Khi cần thiết bà Võ Thị Hồng N và ông Tống Thành L được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Bà Võ Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020885 ngày 23/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú. Bà Võ Thị Hồng N đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 8;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã PhúL (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 01/04/2013)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA